TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS- ST
Ngày: 14/3/2023
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST- DS, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:02/2023/QĐST - DS ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:
1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970
2. Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Chị N là người đại diện theo ủy quyền của anh H).

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1973
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Trần Thị P, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N và anh H trình bày:

Ngày 13/4/2022, anh Nguyễn Quốc H có vay của vợ chồng anh, chị số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 3 tháng (từ ngày 13/4/2022 đến ngày 13/7/2022), hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể. Đến nay, đã quá hạn trả nợ nhưng anh H không trả tiền cho anh, chị như đã cam kết và đã rời khỏi địa phương nên không liên lạc được. Nay

anh H và chị N yêu cầu anh Hà phải trả số tiền gốc đã vay 320.000.000đ và lãi suất tương ứng thời gian vay ba tháng với mức lãi suất 1%/tháng. Khoản này bằng 320.000.000đ x 1%/tháng x 3 = 9.600.000đ. Đồng thời, anh H và chị N yêu cầu anh H phải tiếp tục trả lãi với mức lãi suất là 1%/tháng trên số tiền gốc chưa trả, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, chị N có yêu cầu thay đổi yêu cầu mức lãi suất. Chị đề nghị anh H phải trả tiền lãi trong hạn là 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu anh H tiếp tục phải trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Thời gian kể từ ngày vay (ngày 13/4/2022) đến ngày ngày 13/3/2023 là 11 tháng. Do đó, khoản tiền lãi bằng (320.000.000đ x 10%)/12 x 11 = 29.333.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/01/2023, chị Trần Thị P trình bày: Chồng chị, anh Nguyễn Quốc H là người rất chơi bời, bài bạc nên có vay tiền của nhiều người. Việc anh H vay tiền của anh H và chị N từ khi nào chị không được biết, chị cũng không được sử dụng số tiền trên. Khoản tiền này anh H sử dụng vào mục đích cá nhân chứ không sử dụng cho gia đình. Giữa chị và anh H cũng có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, anh H đã đi khỏi địa phương, chị cũng không biết địa chỉ của anh H ở đâu. Nay anh H và chị N khởi kiện yêu cầu anh H phải trả số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Chị không được sử dụng số tiền trên nên chị không đồng ý trả nợ cùng anh H, đề nghị anh H phải tự mình có trách nhiệm trả nợ cho anh H và chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh H để nộp bản tự khai nhưng anh H không có mặt, do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh Nguyễn Quốc H không có mặt tại địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị áp dụng các Điều 280 khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Quốc H trả cho anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị N 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng tiền gốc) và tiền lãi tính đến ngày 13/3/2023 là 29.333.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Chị Trần Thị P không có nghĩa vụ trả nợ cho anh H và chị N.

Anh Nguyễn Quốc H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh với lãi suất là 10%/năm đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H, chị N và anh H đang tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự và xác minh sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú. Đây là biện pháp thu thập chứng cứ do Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản 2 Điều 21 BLTTDS, Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Anh Nguyễn Quốc H đã rời khỏi địa phương không rõ địa chỉ và không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng anh H và chị P vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H và chị P, đồng thời đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H và chị P theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[5]. Tòa án cũng đã triệu tập hợp hợp lệ anh H và chị P đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H và chị P đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[6]. Tại phiên tòa, anh H và chị P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh H và chị P.

[7].Về hình thức của hợp đồng: Giữa H, chị N và anh H có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản (Thông qua giấy vay tiền mà anh H, chị N đã giao nộp cho Tòa án). Phần cuối hợp đồng có chữ ký, ghi rõ họ tên và điểm chỉ của anh H (Bên chỗ người vay). Do đó, hợp đồng vay tiền của hai bên đã được xác lập bằng văn bản. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, là hợp đồng hợp pháp.

[8]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ:

[8.1]. Trong hợp đồng vay tiền ghi rõ số tiền vay là 320.000.000đ (Cả có phần chữ), thời hạn trả nợ là 3 tháng kể từ ngày vay. Đến nay, đã quá hạn trả nợ việc anh H và chị N yêu cầu anh H phải thanh toán số tiền nợ trên là có căn cứ.

[8.2]. Trong Hợp đồng vay tiền, phần bên vay tiền có ghi "*Vợ là Trần Thị P*" tuy nhiên, chị P không ký vào giấy vay tiền, bản thân chị P cũng không thừa nhận khoản nợ trên nên chị P không có nghĩa vụ phải trả nợ cho anh H và chị N.

[9]. Về lãi suất: Trong hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về mức tiền lãi nhưng không ghi rõ lãi suất. Tại phiên tòa, chị N chỉ yêu cầu anh anh H phải thanh toán mức lãi suất là 10%/năm. Đây là mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, nên chấp nhận này yêu cầu của anh H và chị N.

[10]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại cho anh H và chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 280 khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh Nguyễn Quốc H phải trả cho anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị N 349.333.000đ (Ba trăm bốn chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/3/2023 là 29.333.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (Ngày 14/3/2023), anh Nguyễn Quốc H phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 10%/năm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc H phải chịu 17.466.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị N 8.240.000đ (Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007867 ngày 10/11/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hoàng Thị N. Vắng mặt anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị P. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H và chị P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Cúc